

Số: /QĐ-NBK

Nhà Bè, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận học sinh khối 9 năm học 2020– 2021
đủ điều kiện TN THCS năm học 2020 - 2021**

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-UB.TC ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về việc “Đổi tên Trường THCS Phú Xuân 2 thành Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm”;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Luật Giáo dục 2019 có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2020;

Căn cứ Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện hạnh kiểm của học sinh cả năm năm học 2020 – 2021;

Theo đề nghị của Hội đồng xét duyệt cuối năm của năm học 2020 – 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận 542 học sinh khối 9 đủ điều kiện tốt nghiệp trung học cơ sở năm 2020 – 2021 (theo danh sách đính kèm).

Điều 2. GVCN, Bộ phận Quản lý hồ sơ và các học sinh như Điều 1 thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT.



Phạm Tấn Phước

**DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 9 ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP THCS
NĂM HỌC 2020 - 2021**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-NBK ngày tháng năm 2021)

STT	Họ tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	TBMHK	Học lực	Hạnh kiểm
1	Võ Minh Anh	9a1	08/08/2006	Nữ	8.6	G	T
2	Nguyễn Thiên Ân	9a1	19/04/2006	Nam	8.2	K	T
3	Phùng Như Bình	9a1	07/02/2006	Nam	7.4	K	T
4	Nguyễn Lê Hữu Cảnh	9a1	22/09/2006	Nam	7.3	K	T
5	Nguyễn Thùy Khánh Duyên	9a1	09/11/2006	Nữ	8.1	G	T
6	Phạm Thùy Dương	9a1	09/09/2006	Nữ	8.4	G	T
7	Võ Thành Đạt	9a1	08/12/2006	Nam	8.3	G	T
8	Trần Hữu Hào	9a1	05/09/2005	Nam	5.8	TB	T
9	Lê Chí Hậu	9a1	05/11/2006	Nam	8.1	G	T
10	Lê Nguyễn Trung Hiếu	9a1	01/01/2005	Nam	8.3	G	T
11	Huỳnh Gia Hòa	9a1	07/03/2006	Nữ	5.8	TB	T
12	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hồng	9a1	09/08/2005	Nữ	8.8	G	T
13	Huỳnh Gia Huy	9a1	21/02/2006	Nam	8.2	G	T
14	Nguyễn Quang Huy	9a1	20/12/2006	Nam	7.9	K	T
15	Lê Thị Ngọc Huyền	9a1	06/09/2006	Nữ	8.2	G	T
16	Phạm Khánh Hưng	9a1	31/12/2006	Nam	6.4	TB	T
17	Nguyễn Gia Khang	9a1	26/11/2006	Nam	7.9	K	T
18	Trần Huy Khang	9a1	11/10/2006	Nam	7.4	K	T
19	Đỗ Thị Phương Linh	9a1	06/11/2006	Nữ	7.9	K	T
20	Trần Hoàng Ngọc Linh	9a1	22/06/2006	Nữ	8.3	G	T
21	Dương Đại Lợi	9a1	08/12/2006	Nam	7.2	K	T
22	Lê Thị Cẩm Ly	9a1	18/04/2006	Nữ	8.1	G	T
23	Lê Thái Thành Nam	9a1	20/11/2006	Nam	6.1	TB	T
24	Nguyễn Hoài Nam	9a1	29/08/2006	Nam	6.9	K	T
25	Châu Thị Thủy Ngân	9a1	14/12/2006	Nữ	7.0	K	T
26	Trần Quốc Nghĩa	9a1	01/09/2006	Nam	7.9	K	T
27	Đoàn Phương Nhi	9a1	05/12/2006	Nữ	7.8	K	T
28	Lê Thị Tuyết Nhung	9a1	18/03/2006	Nữ	8.0	G	T
29	Nguyễn Huy Phương	9a1	27/12/2006	Nam	7.5	K	T
30	Đoàn Nhật Quang	9a1	23/10/2006	Nam	8.8	G	T
31	Bùi Trần Nhật Quốc	9a1	07/11/2006	Nam	6.8	K	T
32	Phạm Thanh Tuấn Quỳnh	9a1	25/08/2006	Nam	7.2	K	T
33	Phạm Phúc Sang	9a1	21/01/2006	Nam	7.2	K	T
34	Mai Ngọc Sơn	9a1	27/07/2006	Nam	6.1	TB	T
35	Đỗ Thị Phương Thảo	9a1	25/11/2006	Nữ	7.6	K	T

STT	Họ tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	TBMHK	Học lực	Hạnh kiểm
36	Nguyễn Thu Thảo	9a1	07/01/2006	Nữ	7.8	K	T
37	Nguyễn Hoà Thuận	9a1	27/06/2006	Nam	6.1	TB	T
38	Trần Nguyễn Minh Thư	9a1	29/03/2006	Nữ	7.5	K	T
39	Châu Thị Thủy Tiên	9a1	23/06/2006	Nữ	7.9	K	T
40	Vũ Ngọc Cẩm Tiên	9a1	18/05/2006	Nữ	8.0	G	T
41	Nguyễn Hồng Bảo Trân	9a1	25/01/2006	Nữ	7.5	K	T
42	Nguyễn Minh Triết	9a1	10/08/2006	Nam	7.4	K	T
43	Nguyễn Thanh Trúc	9a1	17/10/2006	Nữ	8.7	G	T
44	Đỗ Thanh Tuấn	9a1	20/06/2006	Nam	8.2	G	T
45	Nguyễn Thành Tuấn	9a1	18/06/2004	Nam	7.2	K	T
46	La Quốc Việt	9a1	14/10/2006	Nam	6.0	TB	T
47	Nguyễn Bá Triều Vĩnh	9a1	26/10/2006	Nam	8.4	G	T
48	Nguyễn Lâm Trường Vũ	9a1	08/09/2006	Nam	6.2	TB	T
49	Trần Thị Thảo Vy	9a1	02/06/2006	Nữ	7.2	K	T
50	Vũ Phương Vy	9a1	30/04/2006	Nữ	7.2	K	T
51	Văn Tuấn An	9a2	02/04/2006	Nam	7.4	K	T
52	Thái Võ Hoàng Anh	9a2	11/08/2006	Nam	6.3	TB	TB
53	Nguyễn Nhật Bình	9a2	31/10/2006	Nam	6.5	TB	T
54	Lương Thế Công	9a2	30/10/2006	Nam	6.0	TB	T
55	Nguyễn Thị Thu Dung	9a2	12/10/2006	Nữ	8.2	K	T
56	Nguyễn Thanh Duy	9a2	20/02/2006	Nam	7.7	K	T
57	Trương Khánh Duy	9a2	11/10/2006	Nam	7.4	K	T
58	Mai Quang Đại	9a2	13/01/2006	Nam	8.8	G	T
59	Bùi Thanh Đạt	9a2	06/11/2006	Nam	7.6	K	T
60	Nguyễn Tấn Đạt	9a2	21/03/2006	Nam	8.5	G	T
61	Võ Thành Đạt	9a2	18/08/2006	Nam	7.9	K	T
62	Võ Thanh Hải	9a2	07/01/2006	Nam	5.5	TB	K
63	Nguyễn Phạm Ngọc Hân	9a2	17/10/2006	Nữ	7.9	K	T
64	Hồ Nhật Huy	9a2	12/05/2006	Nam	7.0	K	T
65	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	9a2	02/05/2006	Nữ	7.8	K	T
66	Trần Thị Thiên Hương	9a2	26/10/2006	Nữ	7.2	K	T
67	Huỳnh Quốc Nhật Khang	9a2	10/11/2006	Nam	5.5	TB	TB
68	Nguyễn Lê Đình Khanh	9a2	13/06/2006	Nam	5.8	TB	T
69	Võ Minh Kiệt	9a2	12/07/2006	Nam	7.9	K	T
70	Nguyễn Thị Thanh Mai	9a2	13/02/2006	Nữ	7.7	K	T
71	Nguyễn Thị Trúc Mai	9a2	10/09/2006	Nữ	7.7	K	T
72	Nguyễn Bình Minh	9a2	10/02/2006	Nam	7.1	K	T
73	Lê Thị Kim Ngân	9a2	21/08/2006	Nữ	7.8	K	T
74	Võ Thanh Ngân	9a2	19/12/2006	Nữ	8.2	K	T
75	Huỳnh Vũ Xuân Nghi	9a2	19/09/2006	Nữ	8.5	K	T
76	Tất An Bình Nghi	9a2	03/12/2006	Nam	7.9	K	T
77	Phạm Thúy Ngọc	9a2	15/08/2006	Nữ	8.7	G	T

STT	Họ tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	TBMHK	Học lực	Hạng kiểm
78	Trần Thị Cẩm Nguyên	9a2	15/03/2006	Nữ	7.6	K	T
79	Dương Hồng Nhung	9a2	22/05/2006	Nữ	7.9	K	T
80	Kim Nguyễn Minh Nhựt	9a2	11/07/2006	Nam	7.1	K	T
81	Phạm Nguyễn Nhựt	9a2	03/04/2006	Nam	8.1	G	T
82	Trần Minh Nhựt	9a2	23/05/2006	Nam	7.4	TB	T
83	Nguyễn Minh Phát	9a2	07/05/2006	Nam	5.7	TB	TB
84	Hồ Thị Trúc Phương	9a2	20/07/2006	Nữ	7.8	K	T
85	Mai Nguyễn Thượng Hoàng Phuong	9a2	23/04/2006	Nam	6.8	TB	T
86	Trần Minh Quang	9a2	08/07/2005	Nam	8.4	G	T
87	Trần Nguyễn Ngân Quỳnh	9a2	14/10/2006	Nữ	7.4	K	T
88	Trần Thanh Sơn	9a2	06/10/2006	Nam	6.1	TB	K
89	Đỗ Minh Tâm	9a2	22/11/2006	Nam	6.9	K	K
90	Vương Trọng Thanh Tân	9a2	22/10/2006	Nam	8.7	G	T
91	Bùi Công Thành	9a2	05/12/2006	Nam	7.9	K	T
92	Cổ Anh Thư	9a2	24/07/2006	Nữ	8.3	K	T
93	Trần Mỹ Tiên	9a2	05/08/2005	Nữ	7.6	K	T
94	Nguyễn Ngọc Yến Trang	9a2	29/07/2006	Nữ	8.2	K	T
95	Hoàng Thụy Ngọc Trâm	9a2	24/09/2006	Nữ	6.9	K	T
96	Huỳnh Thị Hồng Trâm	9a2	04/04/2006	Nữ	8.4	K	T
97	Đỗ Lê Bảo Trân	9a2	21/09/2006	Nữ	8.6	G	T
98	Lý Ngọc Phương Trúc	9a2	25/02/2006	Nữ	7.2	K	K
99	Nguyễn Thanh Tuấn	9a2	04/10/2006	Nam	6.8	K	K
100	Lê Quan Vinh	9a2	19/05/2006	Nam	6.7	TB	T
101	Bùi Huỳnh Thúy Vy	9a2	14/08/2006	Nữ	7.3	K	T
102	Nguyễn Bùi Thanh Vy	9a2	14/02/2006	Nữ	7.4	K	T
103	Huỳnh Anh Sa Đại	9a3	15/11/2004	Nam	9.0	G	T
104	Nguyễn Tiến Đạt	9a3	30/09/2005	Nam	6.1	TB	K
105	Phan Tiến Đạt	9a3	20/03/2006	Nam	6.3	TB	K
106	Trương Ngọc Giàu	9a3	14/08/2006	Nam	6.8	K	T
107	Văn Thanh Chí Hào	9a3	18/08/2006	Nam	8.3	G	T
108	Lê Thị Ngọc Hằng	9a3	26/09/2006	Nữ	8.2	G	T
109	Nguyễn Thị Kim Hoa	9a3	20/01/2005	Nữ	8.8	G	T
110	Nguyễn Trần Thanh Huy	9a3	09/10/2006	Nam	9.2	G	T
111	Trần Bảo Khang	9a3	22/11/2006	Nam	7.7	K	T
112	Lê Trần Uyên Khanh	9a3	26/08/2006	Nữ	7.6	K	T
113	Nguyễn Quốc Khánh	9a3	20/11/2006	Nam	8.2	G	T
114	Võ Duy Khánh	9a3	16/01/2006	Nam	6.4	TB	T
115	Trần Đồng Khiêm	9a3	29/08/2006	Nam	7.0	K	T
116	Huỳnh Phúc Lâm	9a3	24/04/2006	Nam	6.6	K	T
117	Nguyễn Thị Thùy Linh	9a3	25/05/2006	Nữ	7.1	K	K
118	Nguyễn Trần Cẩm Linh	9a3	27/10/2006	Nữ	8.5	G	T

STT	Họ tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	TBMHK	Học lực	Hạng kiểm
119	Viết Linh	9a3	25/05/2006	Nữ	8.9	G	T
120	Lý Thanh Long	9a3	26/10/2006	Nam	7.6	K	T
121	Lê Hoàng Minh	9a3	26/03/2006	Nam	7.4	K	T
122	Phạm Ngọc Thúy Ngân	9a3	12/09/2006	Nữ	8.9	G	T
123	Đoàn Trung Nghĩa	9a3	23/10/2006	Nam	7.6	K	T
124	Nguyễn Huỳnh Minh Nguyễn	9a3	09/03/2006	Nam	6.9	K	T
125	Văn Thành Nhân	9a3	19/06/2005	Nam	6.2	TB	TB
126	Vương Thụy Khánh Nhi	9a3	25/12/2006	Nữ	7.5	K	T
127	Nguyễn Thị Thu Nhung	9a3	17/07/2005	Nữ	7.8	K	T
128	Trần Thanh Phong	9a3	23/09/2006	Nam	8.1	K	T
129	Trần Thanh Phước	9a3	18/05/2006	Nam	7.7	K	T
130	Nguyễn Thị Trúc Quyên	9a3	20/09/2006	Nữ	7.6	K	K
131	Võ Minh Quyền	9a3	08/11/2006	Nam	6.7	K	T
132	Phạm Chí Tâm	9a3	10/05/2006	Nam	6.4	TB	T
133	Đào Thị Phương Thảo	9a3	10/04/2006	Nữ	7.5	K	T
134	Đặng Đình Thắng	9a3	08/02/2006	Nam	5.7	TB	K
135	Nguyễn Phạm Gia Thịnh	9a3	07/02/2006	Nam	8.1	K	T
136	Nguyễn Thái Thịnh	9a3	13/10/2006	Nam	8.8	G	T
137	Nguyễn Văn Thịnh	9a3	09/12/2006	Nam	6.8	K	T
138	Ngô Nguyễn Ngọc Thùy	9a3	22/10/2006	Nữ	8.4	G	T
139	Nguyễn Lê Minh Thư	9a3	08/08/2006	Nữ	7.9	K	K
140	Ngô Thị Ngọc Thy	9a3	21/01/2006	Nữ	8.3	G	T
141	Phạm Trần Tiên	9a3	01/01/2006	Nam	8.2	K	T
142	Nguyễn Lê Ngọc Trâm	9a3	09/05/2006	Nữ	8.0	G	T
143	Trần Minh Trọng	9a3	11/01/2006	Nam	8.2	K	T
144	Huỳnh Thị Thanh Trúc	9a3	11/03/2006	Nữ	7.9	K	T
145	Nguyễn Hoàng Trung	9a3	02/08/2006	Nam	6.8	K	T
146	Băng Lê Cẩm Tú	9a3	27/06/2006	Nữ	6.9	K	T
147	Nguyễn Ngọc Tuyết Vân	9a3	27/05/2006	Nữ	8.2	G	T
148	Nguyễn Nguyệt Thanh Vân	9a3	07/01/2006	Nữ	6.4	TB	T
149	Nguyễn Kiều Nhã Vy	9a3	05/07/2005	Nữ	6.3	TB	T
150	Nguyễn Vương Hà Vy	9a3	15/08/2006	Nữ	8.3	G	T
151	Nguyễn Thị Kim Yên	9a3	08/05/2006	Nữ	8.0	G	T
152	Bùi Khánh An	9a4	01/04/2006	Nam	6.4	TB	T
153	Lê Trần Bảo An	9a4	29/08/2006	Nữ	8.5	K	T
154	Nguyễn Thế Anh	9a4	24/11/2006	Nam	8.0	K	T
155	Phạm Việt Anh	9a4	14/08/2006	Nam	6.5	TB	TB
156	Trần Gia Bảo	9a4	25/11/2006	Nam	7.5	K	T
157	Nguyễn Thái Ngọc Châu	9a4	11/01/2006	Nữ	8.1	K	T
158	Nguyễn Tiến Dũng	9a4	25/05/2006	Nam	5.3	TB	T
159	Lê Việt Đức	9a4	30/08/2006	Nam	7.6	K	T

STT	Họ tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	TBMHK	Học lực	Hạng kiểm
160	Trần Thị Thu Giang	9a4	30/09/2006	Nữ	7.0	K	T
161	Huỳnh Ngọc Giàu	9a4	03/09/2006	Nữ	7.9	K	T
162	Nguyễn Dương Gia Hân	9a4	24/10/2006	Nữ	8.1	K	T
163	Nguyễn Ngọc Thanh Hiền	9a4	12/05/2006	Nữ	8.7	G	T
164	Lê Trọng Hiếu	9a4	15/07/2006	Nam	6.6	TB	T
165	Trần Minh Hưng	9a4	07/04/2006	Nam	8.6	G	T
166	Trương Minh Khang	9a4	24/05/2006	Nam	7.6	K	T
167	Hồ Quốc Khánh	9a4	08/09/2006	Nam	8.5	G	T
168	Đinh Ngọc Anh Khoa	9a4	29/11/2006	Nam	5.6	TB	K
169	Lê Vũ Anh Khoa	9a4	08/02/2006	Nam	8.5	G	T
170	Ngô Vương Kiên	9a4	24/11/2006	Nam	6.9	K	T
171	Huỳnh Châu Thanh Liêm	9a4	24/09/2006	Nam	7.1	K	T
172	Nguyễn Văn Lộc	9a4	30/11/2006	Nam	6.8	K	T
173	Huỳnh Thị Cẩm Ly	9a4	30/01/2006	Nữ	7.1	K	T
174	Hồ Phan Quốc Minh	9a4	08/11/2006	Nam	7.1	K	T
175	Nguyễn Thị Xuân Nam	9a4	03/05/2006	Nữ	8.4	K	T
176	Lê Thị Thanh Ngân	9a4	28/06/2006	Nữ	7.5	K	T
177	Lê Trần Hữu Nhân	9a4	02/07/2006	Nam	7.4	K	T
178	Phan Minh Nhật	9a4	08/05/2006	Nam	5.0	TB	TB
179	Nguyễn Huỳnh Tuyết Nhi	9a4	24/12/2006	Nữ	7.1	K	T
180	Nguyễn Tú Vân Nhi	9a4	01/12/2006	Nữ	8.2	K	T
181	Hồ Thanh Phong	9a4	14/04/2006	Nam	7.3	K	T
182	Trần Hoàng Phúc	9a4	04/08/2006	Nam	6.7	TB	T
183	Lưu Nhật Quang	9a4	10/10/2005	Nam	6.9	TB	T
184	Trần Minh Quang	9a4	09/09/2006	Nam	6.2	TB	K
185	Võ Phúc Thành	9a4	12/11/2006	Nam	7.5	K	T
186	Lê Thị Hồng Thắm	9a4	07/11/2006	Nữ	8.0	K	T
187	Lê Nguyễn Trường Thịnh	9a4	30/05/2006	Nam	8.9	G	T
188	Nguyễn Ngọc Thư	9a4	02/11/2006	Nữ	7.9	K	T
189	Nguyễn Trung Tiên	9a4	12/09/2006	Nam	7.5	K	T
190	Võ Lê Bảo Trâm	9a4	20/03/2006	Nữ	6.9	TB	T
191	Trần Thị Bảo Trân	9a4	10/10/2006	Nữ	8.6	G	T
192	Trần Thị Quế Trân	9a4	07/01/2006	Nữ	7.5	K	T
193	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	9a4	25/12/2006	Nữ	7.7	K	T
194	Trần Thanh Tú	9a4	27/12/2005	Nam	5.9	TB	T
195	Nguyễn Thanh Tuấn	9a4	20/10/2006	Nam	6.9	K	T
196	Bùi Trần Thanh Tuyên	9a4	29/05/2006	Nữ	8.5	K	T
197	Nguyễn Lê Cát Tường	9a4	08/04/2006	Nữ	8.5	G	T
198	Lê Ngọc Vy	9a4	27/02/2006	Nữ	8.1	K	T
199	Huỳnh Minh Tú Anh	9a5	18/09/2006	Nữ	9.2	G	T
200	Lê Nguyễn Thị Anh Đài	9a5	11/02/2006	Nữ	9.2	G	T
201	Võ Thành Đạt	9a5	26/10/2006	Nam	9.2	G	T

STT	Họ tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	TBMHK	Học lực	Hạnh kiểm
202	Nguyễn Hải Đăng	9a5	04/07/2006	Nam	9.1	G	T
203	Lục Đình Đức	9a5	23/06/2006	Nam	9.0	G	T
204	Trần Hữu Đức	9a5	13/09/2006	Nam	8.8	G	T
205	Nguyễn Ngọc Dương	9a5	14/12/2006	Nam	9.1	G	T
206	Trần Kim Hằng	9a5	07/06/2006	Nữ	9.3	G	T
207	Lưu Nguyễn Bảo Hân	9a5	18/09/2006	Nữ	9.4	G	T
208	Nguyễn Ngọc Hân	9a5	24/12/2006	Nữ	9.3	G	T
209	Thái Kim Hiền	9a5	07/11/2006	Nữ	9.2	G	T
210	Nguyễn Cao Minh Huy	9a5	25/08/2006	Nam	9.4	G	T
211	Nguyễn Diệu Huyền	9a5	23/01/2006	Nữ	9.3	G	T
212	Phạm Hoàng Khải	9a5	07/06/2006	Nam	9.4	G	T
213	Đoàn Lâm	9a5	13/01/2006	Nam	9.3	G	T
214	Nguyễn Thị Phương Linh	9a5	14/10/2006	Nữ	8.4	G	T
215	Lê Kim Ngân	9a5	30/11/2006	Nữ	9.1	G	T
216	Ngô Kim Ngân	9a5	05/12/2006	Nữ	9.6	G	T
217	Trần Hoàng Ngọc Ngân	9a5	06/08/2006	Nữ	9.3	G	T
218	Dương Mẫn Nghi	9a5	21/02/2006	Nữ	9.2	G	T
219	Nguyễn Chí Nghị	9a5	21/06/2006	Nam	9.3	G	T
220	Lê Thanh Nhân	9a5	30/08/2006	Nam	9.2	G	T
221	Nguyễn Hùng Nhân	9a5	28/03/2006	Nam	9.3	G	T
222	Dương Ngọc Bảo Nhi	9a5	25/08/2006	Nữ	9.3	G	T
223	Ngô Thuận Phát	9a5	25/05/2006	Nam	8.8	G	T
224	Nguyễn Hoàng Thiên Phúc	9a5	13/11/2006	Nam	9.5	G	T
225	Phạm Hoàng Phúc	9a5	02/12/2006	Nam	9.1	G	T
226	Đàm Mai Phương	9a5	15/10/2006	Nữ	9.3	G	T
227	Nguyễn Thị Thu Phương	9a5	24/11/2006	Nữ	9.1	G	T
228	Trần Minh Quân	9a5	08/06/2006	Nam	9.3	G	T
229	Nguyễn Ngọc Tú Quyên	9a5	22/08/2006	Nữ	9.3	G	T
230	Huỳnh Minh Quyền	9a5	05/03/2006	Nam	8.8	G	T
231	Dương Minh Sang	9a5	29/08/2006	Nam	9.3	G	T
232	Võ Minh Tâm	9a5	11/02/2006	Nam	9.0	G	T
233	Đặng Hồng Thái	9a5	06/07/2006	Nam	9.2	G	T
234	Trần Chung Thành	9a5	20/12/2006	Nam	8.9	G	T
235	Trần Nguyễn Phương Thảo	9a5	12/07/2006	Nữ	9.0	G	T
236	Dương Quang Thiện	9a5	07/04/2006	Nam	9.6	G	T
237	Trần Đặng Phúc Thịnh	9a5	24/11/2006	Nam	8.7	G	T
238	Nguyễn Phạm Minh Thuận	9a5	23/07/2006	Nam	9.6	G	T
239	Lâm Ngọc Thanh Thu	9a5	28/04/2006	Nữ	9.1	G	T
240	Nguyễn Ngọc Minh Thu	9a5	12/01/2006	Nữ	8.9	G	T
241	Lê Nam Tiên	9a5	03/12/2006	Nam	9.6	G	T
242	Dương Ngọc Trang	9a5	17/07/2006	Nữ	9.2	G	T
243	Trần Ngọc Khánh Vân	9a5	04/12/2006	Nữ	9.3	G	T

STT	Họ tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	TBMHK	Học lực	Hành kiểm
244	Đinh Từ Bảo Vy	9a5	13/09/2006	Nữ	9.5	G	T
245	Nguyễn Thị Hải Vy	9a5	16/07/2006	Nữ	9.3	G	T
246	Nguyễn Tường Vy	9a5	24/09/2006	Nữ	9.3	G	T
247	Võ Ngọc Vy	9a5	31/05/2006	Nữ	9.3	G	T
248	Nguyễn Thị Mỹ Ý	9a5	08/09/2006	Nữ	9.1	G	T
249	Đào Hải Anh	9a6	05/06/2006	Nữ	8.8	G	T
250	Nguyễn Phương Anh	9a6	15/10/2006	Nữ	7.3	K	T
251	Nguyễn Quang Anh	9a6	10/02/2006	Nam	8.0	G	T
252	Phạm Hồ Gia Bảo	9a6	01/12/2006	Nam	7.9	K	T
253	Lê Văn Bắc	9a6	08/06/2005	Nam	7.9	K	T
254	Nguyễn Tấn Bình	9a6	23/08/2006	Nam	7.8	K	T
255	Phạm Nguyễn Bảo Châu	9a6	23/03/2006	Nữ	8.6	G	T
256	Trịnh Ngọc Minh Châu	9a6	05/01/2006	Nữ	7.9	K	T
257	Nguyễn Thành Danh	9a6	17/11/2006	Nam	8.4	G	T
258	Lê Việt Hà	9a6	11/01/2006	Nữ	8.9	G	T
259	Lê Thanh Hải	9a6	28/11/2006	Nam	7.7	K	T
260	Lê Vũ Hoàng	9a6	14/11/2006	Nam	6.9	K	K
261	Lê Phương Huyền	9a6	15/10/2006	Nữ	8.5	G	T
262	Y Vĩnh Khang	9a6	29/11/2006	Nam	8.4	G	T
263	Trần Đăng Khoa	9a6	23/02/2006	Nam	8.2	K	T
264	Trần Nguyễn Khôi	9a6	01/09/2006	Nam	7.0	K	K
265	Bùi Thanh Nam	9a6	05/02/2006	Nam	8.3	K	T
266	Nguyễn Phan Thảo Ngân	9a6	08/10/2006	Nữ	8.2	G	T
267	Trần Quang Nghĩa	9a6	09/05/2006	Nam	7.8	K	T
268	Phan Đoàn Trần Nguyễn	9a6	12/12/2006	Nam	8.4	G	T
269	Nguyễn Phong Nhã	9a6	28/10/2006	Nữ	7.0	K	T
270	Nguyễn Thanh Nhân	9a6	30/12/2006	Nam	6.6	TB	T
271	Lê Quang Nhật	9a6	02/10/2006	Nam	7.8	K	T
272	Ngô Thị Yên Nhi	9a6	09/09/2006	Nữ	8.2	G	T
273	Trương Thanh Nhi	9a6	13/07/2006	Nữ	8.8	G	T
274	Nguyễn Thị Phương Nhung	9a6	18/10/2006	Nữ	7.7	TB	T
275	Lê Nguyễn Ngọc Phú	9a6	07/11/2006	Nam	8.3	K	T
276	Nguyễn Thị Hồng Phúc	9a6	21/03/2006	Nữ	8.5	G	T
277	Nguyễn Thị Thùy Phương	9a6	28/12/2006	Nữ	8.6	G	T
278	Nguyễn Lâm Quân	9a6	19/04/2006	Nam	8.5	G	T
279	Trần Nguyễn Minh Quân	9a6	02/04/2006	Nam	8.6	G	T
280	Phan Hoàng Quyên	9a6	03/08/2006	Nữ	8.4	G	T
281	Nguyễn Lâm Quỳnh	9a6	28/04/2006	Nữ	9.0	G	T
282	Trương Trọng Tấn Sang	9a6	14/02/2004	Nam	8.2	K	T
283	Đinh Ngọc Thanh	9a6	17/04/2006	Nam	7.3	K	T
284	Mai Tuấn Thành	9a6	24/04/2006	Nam	9.1	G	T
285	Ô Minh Thông	9a6	09/06/2006	Nam	8.4	G	T

STT	Họ tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	TBMHK	Học lực	Hạng kiểm
286	Trần Minh Thu	9a6	31/08/2006	Nữ	8.6	G	T
287	Lê Hoàng Tiến	9a6	09/12/2006	Nam	6.6	TB	K
288	Hồ Minh Trí	9a6	12/08/2006	Nam	7.3	TB	T
289	Bùi Thị Phương Trinh	9a6	20/10/2006	Nữ	8.5	K	T
290	Dương Trâm Hải Vân	9a6	27/04/2006	Nữ	9.0	G	T
291	Lê Phạm Tường Vi	9a6	23/07/2006	Nữ	9.2	G	T
292	Nguyễn Phước Việt	9a6	30/04/2006	Nam	8.0	G	T
293	Lê Nguyễn Thanh Vy	9a6	12/12/2006	Nữ	7.8	K	T
294	Phan Thị Tường Vy	9a6	25/08/2006	Nữ	6.6	K	T
295	Nguyễn Hồng Anh	9a7	03/03/2006	Nữ	8.1	K	T
296	Nguyễn Việt Nhật Anh	9a7	23/10/2006	Nam	6.5	K	T
297	Văn Ngọc Lan Anh	9a7	17/10/2006	Nữ	6.6	TB	T
298	Trần Thanh Bình	9a7	03/05/2006	Nam	9.0	G	T
299	Trần Tấn Thành Danh	9a7	17/08/2006	Nam	7.0	K	T
300	Đỗ Quốc Dũng	9a7	29/05/2006	Nam	7.7	K	T
301	Lê Minh Duy	9a7	24/08/2006	Nam	8.4	G	T
302	Nguyễn Hoàng Duy	9a7	19/02/2006	Nam	7.3	K	T
303	Lê Mạnh Đức	9a7	21/10/2006	Nam	8.5	G	T
304	Trần Hoàng Hạnh	9a7	16/10/2006	Nữ	8.0	G	T
305	Nguyễn Lê Bảo Hân	9a7	02/06/2006	Nữ	7.6	K	T
306	Phan Cảnh Gia Hậu	9a7	24/05/2006	Nam	8.1	G	T
307	Nguyễn Đình Kim Hoàng	9a7	18/03/2006	Nữ	8.4	G	T
308	Nguyễn Thị Thương Huyền	9a7	26/10/2006	Nữ	8.2	G	T
309	Nguyễn Minh Hữu	9a7	13/01/2006	Nam	8.4	G	T
310	Mai Đình Anh Khải	9a7	19/09/2006	Nam	6.2	TB	T
311	Ôn Gia Khiêm	9a7	31/01/2006	Nam	9.0	G	T
312	Đặng Nguyễn Đăng Khôi	9a7	28/12/2006	Nam	8.8	G	T
313	Nguyễn Anh Khôi	9a7	22/09/2006	Nam	8.2	G	T
314	Nguyễn Duy Lâm	9a7	22/10/2006	Nam	7.3	TB	T
315	Trần Văn Linh	9a7	30/10/2006	Nam	7.6	K	T
316	Lê Trần Tân Lộc	9a7	17/12/2006	Nam	5.2	TB	T
317	Nguyễn Trần Giáng My	9a7	12/08/2006	Nữ	7.4	K	T
318	Ngô Thị Hoàng Mỹ	9a7	02/07/2006	Nữ	7.2	TB	T
319	Đào Trịnh Hoài Nam	9a7	07/01/2006	Nam	7.5	K	T
320	Phan Thanh Ngân	9a7	12/02/2006	Nữ	8.7	G	T
321	Trịnh Vĩnh Nghi	9a7	27/05/2006	Nam	8.2	K	T
322	Huỳnh Trí Nhân	9a7	20/11/2006	Nam	6.8	K	T
323	Lê Ngọc Tuyết Nhi	9a7	20/07/2006	Nữ	9.0	G	T
324	Huỳnh Vũ Khánh Như	9a7	11/05/2006	Nữ	7.9	K	T
325	Vũ Đại Phong	9a7	16/01/2006	Nam	7.3	K	T
326	Trần Thiên Phúc	9a7	10/10/2006	Nam	8.5	G	T
327	Tổng Ngọc Kỳ Phương	9a7	24/11/2006	Nữ	8.4	K	T

STT	Họ tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	TBMHK	Học lực	Hạng kiểm
328	Đặng Bảo Sang	9a7	01/11/2006	Nam	6.7	TB	T
329	Nguyễn Thành Tài	9a7	19/06/2006	Nam	5.8	TB	T
330	Trương Ngọc Thanh Tâm	9a7	15/09/2006	Nữ	7.0	TB	T
331	Đặng Nguyễn Yên Thảo	9a7	30/10/2006	Nữ	8.1	G	T
332	Nguyễn Ngọc Anh Thư	9a7	19/05/2006	Nữ	8.6	G	T
333	Nguyễn Ngọc Minh Thư	9a7	05/11/2006	Nữ	7.1	K	T
334	Trần Nguyễn Vinh Thy	9a7	23/03/2006	Nữ	8.4	G	T
335	Đinh Hồ Ngọc Trang	9a7	14/12/2006	Nữ	9.0	G	T
336	Trần Ngọc Trân	9a7	02/03/2006	Nữ	7.3	K	T
337	Lê Ngọc Tuyết Trinh	9a7	20/07/2006	Nữ	9.0	G	T
338	Bùi Xuân Trọng	9a7	08/09/2006	Nam	8.6	G	T
339	Trần Thảo Uyên	9a7	15/09/2006	Nữ	8.2	G	T
340	Trương Mỹ Uyên	9a7	04/12/2006	Nữ	8.1	G	T
341	Đặng Kim Thảo Vi	9a7	07/09/2006	Nữ	6.8	TB	T
342	Nguyễn Quốc Việt	9a7	29/03/2006	Nam	7.7	K	T
343	Vương Quan Vinh	9a7	03/02/2006	Nam	8.5	G	T
344	Nguyễn Đoàn Khả Vy	9a7	20/06/2006	Nữ	9.4	G	T
345	Đặng Quốc Anh	9a8	12/06/2006	Nam	7.5	K	T
346	Huỳnh Nguyễn Quỳnh Anh	9a8	31/12/2006	Nữ	9.2	G	T
347	Nguyễn Kim Anh	9a8	24/05/2006	Nữ	9.1	G	T
348	Phạm Ngô Minh Anh	9a8	08/08/2006	Nữ	6.8	TB	T
349	Phạm Trần Quốc Anh	9a8	05/07/2006	Nam	7.6	K	T
350	Cao Trần Ân	9a8	02/07/2006	Nam	7.8	K	T
351	Trịnh Lê Hoàng Gia Bảo	9a8	22/02/2006	Nam	6.7	K	T
352	Nguyễn Võ Duy Cường	9a8	29/03/2006	Nam	8.7	G	T
353	Nguyễn Thế Kỳ Duyên	9a8	27/11/2006	Nữ	8.4	G	T
354	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	9a8	06/12/2006	Nữ	7.9	K	T
355	Phạm Nguyễn Mỹ Duyên	9a8	14/01/2006	Nữ	8.4	G	T
356	Đỗ Thị Kim Hằng	9a8	07/12/2006	Nữ	8.3	G	T
357	Huỳnh Ngọc Hân	9a8	26/02/2006	Nữ	7.7	K	T
358	Nguyễn Gia Hân	9a8	28/11/2006	Nữ	7.8	K	T
359	Văn Võ Mỹ Hân	9a8	05/01/2006	Nữ	6.5	K	T
360	Nguyễn Lê Minh Hiếu	9a8	19/03/2006	Nam	8.9	G	T
361	Trần Huy Hoàng	9a8	05/10/2006	Nam	8.1	G	T
362	Đoàn Việt Hùng	9a8	10/06/2006	Nam	8.7	G	T
363	Đinh Trọng Huy	9a8	23/11/2006	Nam	7.7	K	T
364	Hà Đức Huy	9a8	11/07/2006	Nam	8.6	G	T
365	Nguyễn Lê Duy Khang	9a8	01/02/2006	Nam	8.9	G	T
366	Nguyễn Lê Phúc Khang	9a8	01/02/2006	Nam	6.6	K	T
367	Nguyễn Mai Đăng Khôi	9a8	21/07/2006	Nam	6.4	TB	T
368	Nguyễn Hoàng Long	9a8	19/08/2006	Nam	6.0	TB	T
369	Cổ Nguyễn Ngọc Ty Na	9a8	13/03/2006	Nữ	8.6	G	T

STT	Họ tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	TBMHK	Học lực	Hạng kiểm
370	Hoàng Lê Bảo Nhật	9a8	03/12/2006	Nam	7.3	TB	T
371	Đỗ Phương Khánh Nhi	9a8	09/06/2006	Nữ	8.1	G	T
372	Nguyễn Thị Yên Nhi	9a8	20/04/2006	Nữ	7.5	K	T
373	Trần Thị Yên Nhi	9a8	02/03/2006	Nữ	7.2	K	T
374	Lê Hoàng Quân	9a8	13/11/2006	Nam	6.5	TB	T
375	Võ Thiên Quân	9a8	05/02/2006	Nam	6.9	TB	T
376	Nguyễn Đặng Trúc Quỳnh	9a8	01/09/2006	Nữ	7.5	K	T
377	Nguyễn Thanh Tâm	9a8	12/07/2006	Nam	8.7	G	T
378	Nguyễn Ngọc Huyền Thắm	9a8	24/08/2006	Nữ	8.8	G	T
379	Hoàng Quyết Thắng	9a8	19/01/2006	Nam	8.1	K	T
380	Nguyễn Toàn Thắng	9a8	07/05/2006	Nam	7.3	TB	T
381	Tông Lê Phước Thịnh	9a8	04/08/2006	Nam	8.3	G	T
382	Giang Thanh Thùy	9a8	13/05/2006	Nữ	8.6	G	T
383	Đoàn Anh Thư	9a8	16/08/2006	Nữ	7.4	K	T
384	Trần Ngọc Phương Tiên	9a8	11/08/2006	Nữ	7.6	K	T
385	Huỳnh Bảo Trâm	9a8	23/04/2006	Nữ	7.6	K	T
386	Trần Thị Ngọc Trâm	9a8	01/09/2006	Nữ	8.3	G	T
387	Nguyễn Trần Bảo Trân	9a8	19/05/2006	Nữ	8.0	G	T
388	Nguyễn Thị Thanh Trúc	9a8	27/04/2006	Nữ	6.1	TB	T
389	Trương Thanh Tú	9a8	28/06/2006	Nữ	8.2	K	T
390	Đặng Hoàng Quốc Tuấn	9a8	12/08/2006	Nam	6.1	TB	T
391	Trần Quý Nhật Tường	9a8	06/07/2006	Nam	7.4	K	T
392	Phan Quốc Việt	9a8	01/10/2006	Nam	8.0	G	T
393	Nguyễn Xuân Vinh	9a8	13/07/2006	Nam	8.6	G	T
394	Đặng Hoàng Vũ	9a8	21/01/2006	Nam	8.8	G	T
395	Trần Ngọc Khánh Vy	9a8	21/07/2006	Nữ	7.7	K	T
396	Đào Huỳnh Anh	9a9	24/07/2006	Nữ	9.1	G	T
397	Nguyễn Đoàn Mai Anh	9a9	14/04/2006	Nữ	8.4	G	T
398	Nguyễn Thụy Gia Anh	9a9	16/07/2006	Nữ	9.4	G	T
399	Vũ Nguyễn Quỳnh Anh	9a9	23/02/2006	Nữ	9.3	G	T
400	Phạm Gia Bảo	9a9	04/10/2006	Nam	9.2	G	T
401	Nguyễn Thị Thanh Bình	9a9	04/06/2006	Nữ	9.4	G	T
402	Nguyễn Hà Châu	9a9	12/02/2006	Nữ	9.6	G	T
403	Nguyễn Phú Cường	9a9	01/03/2006	Nam	9.3	G	T
404	Đỗ Mai Nhật Duy	9a9	27/01/2006	Nam	9.0	G	T
405	Nguyễn Khánh Duy	9a9	03/08/2006	Nam	9.1	G	T
406	Đỗ Thùy Dương	9a9	08/12/2006	Nữ	9.3	G	T
407	Trần Lê Ngọc Đại	9a9	19/06/2006	Nam	8.4	G	T
408	Nguyễn Thu Hà	9a9	16/01/2006	Nữ	9.5	G	T
409	Hồ Gia Hân	9a9	17/12/2006	Nữ	9.6	G	T
410	Nguyễn Duy Khoa Huân	9a9	13/04/2006	Nam	8.5	K	T
411	Vũ Quốc Hùng	9a9	23/09/2006	Nam	9.5	G	T

STT	Họ tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	TBMHK	Học lực	Hành kiểm
412	Nguyễn Phúc Minh Huy	9a9	03/06/2006	Nam	8.4	G	T
413	Huỳnh Khánh Hưng	9a9	12/04/2006	Nam	9.4	G	T
414	Trần Phúc Khang	9a9	26/10/2006	Nam	8.6	G	T
415	Trương Nhật Khang	9a9	07/07/2006	Nam	8.3	G	T
416	Võ Quốc Khánh	9a9	02/09/2006	Nam	9.1	G	T
417	Nguyễn Dương Anh Khoa	9a9	21/12/2006	Nam	9.1	G	T
418	Nguyễn Đình Anh Khôi	9a9	01/01/2006	Nam	9.6	G	T
419	Cô Nguyên Kim	9a9	23/09/2006	Nữ	9.6	G	T
420	Ngô Quỳnh Lam	9a9	18/09/2006	Nữ	7.2	K	T
421	Lương Hoàng Long	9a9	20/07/2006	Nam	9.1	G	T
422	Ôn Hoàng Long	9a9	21/09/2006	Nam	8.6	G	T
423	Lê Phan Gia Mân	9a9	24/10/2006	Nam	9.5	G	T
424	Phan Thị Trà My	9a9	15/10/2006	Nữ	9.2	G	T
425	Lê Thị Thanh Nga	9a9	03/02/2006	Nữ	9.3	G	T
426	Phạm Ngọc Nga	9a9	17/06/2006	Nữ	9.3	G	T
427	Lê Hoàng Yên Ngân	9a9	16/09/2006	Nữ	9.2	G	T
428	Hồ Minh Nhật	9a9	02/04/2006	Nam	9.3	G	T
429	Nguyễn Thị Thanh Nhi	9a9	19/04/2006	Nữ	8.7	G	T
430	Trần Võ Phương Nhi	9a9	09/02/2006	Nữ	8.8	G	T
431	Trịnh Tuyết Nhung	9a9	03/10/2006	Nữ	8.9	G	T
432	Lê Huỳnh Thanh Như	9a9	25/12/2006	Nữ	9.4	G	T
433	Lê Hồng Như Phương	9a9	02/11/2006	Nữ	9.7	G	T
434	Nguyễn Anh Thư	9a9	14/09/2006	Nữ	9.5	G	T
435	Võ Khánh Thy	9a9	12/09/2006	Nữ	9.7	G	T
436	Nguyễn Lê Ngọc Trâm	9a9	23/03/2006	Nữ	7.0	K	T
437	Trần Ngọc Trí	9a9	19/04/2006	Nam	9.1	G	T
438	Phùng Minh Triết	9a9	18/11/2006	Nam	9.3	G	T
439	Huỳnh Mỹ Tú	9a9	03/03/2006	Nữ	9.7	G	T
440	Vương Ngọc Phương Uyên	9a9	09/06/2006	Nữ	9.1	G	T
441	Nguyễn Trần Hải Việt	9a9	12/10/2006	Nam	9.1	G	T
442	Nguyễn Minh Vũ	9a9	10/02/2006	Nam	9.8	G	T
443	Trần Anh Vũ	9a9	03/05/2006	Nam	9.8	G	T
444	Ngô Ayun Hạ Vy	9a9	20/06/2006	Nữ	9.2	G	T
445	Nguyễn Hồng Ánh	9a10	19/08/2006	Nữ	8.1	G	T
446	Phạm Gia Bảo	9a10	21/05/2006	Nam	9.2	G	T
447	Nguyễn Nam Bình	9a10	11/08/2006	Nam	8.1	G	T
448	Nguyễn Tân Dũng	9a10	26/10/2006	Nam	8.4	G	T
449	Nguyễn Hoàng Duy	9a10	02/11/2006	Nam	8.7	G	T
450	Phan Đăng Thái Dương	9a10	22/03/2006	Nam	7.3	K	T
451	Nguyễn Tân Đạt	9a10	23/03/2006	Nam	8.8	G	T
452	Tạ Minh Đạt	9a10	27/01/2006	Nam	8.9	G	T
453	Phạm Lâm Trường Giang	9a10	15/02/2006	Nam	8.6	K	T

STT	Họ tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	TBMHK	Học lực	Hạnh kiểm
454	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	9a10	21/01/2006	Nữ	8.5	G	T
455	Võ Xuân Trúc Hà	9a10	25/06/2006	Nữ	9.4	G	T
456	Vũ Lê Phương Hạ	9a10	07/12/2006	Nữ	8.0	K	T
457	Phạm Nguyễn Hồng Hân	9a10	22/09/2006	Nữ	8.3	G	T
458	Vương Thê Hiền	9a10	11/06/2006	Nam	7.8	K	T
459	Nguyễn Đoàn Minh Hoàng	9a10	15/09/2006	Nam	9.3	G	T
460	Nguyễn Phi Hùng	9a10	03/05/2006	Nam	8.7	G	T
461	Ngô Nguyễn Gia Khải	9a10	28/04/2006	Nam	8.2	G	T
462	Huỳnh Phúc Minh Khang	9a10	16/09/2006	Nam	8.5	G	T
463	Nguyễn Gia Khang	9a10	25/11/2006	Nam	8.7	G	T
464	Huỳnh Anh Khoa	9a10	14/08/2006	Nam	6.7	TB	T
465	Dương Nguyễn Nhật Khôi	9a10	28/02/2006	Nam	9.4	G	T
466	Nguyễn Trung Kiên	9a10	22/02/2006	Nam	8.9	G	T
467	Dương Anh Kiệt	9a10	03/08/2006	Nam	7.9	K	T
468	Thái Nguyễn Tuấn Kiệt	9a10	06/11/2006	Nam	9.4	G	T
469	Nguyễn Phạm Trúc Loan	9a10	06/12/2006	Nữ	9.1	G	T
470	Nguyễn Huỳnh Ngọc Mi	9a10	22/04/2006	Nữ	9.0	G	T
471	Đặng Nguyệt Minh	9a10	09/10/2006	Nữ	9.0	G	T
472	Trần Hùng Minh	9a10	25/03/2006	Nam	9.0	G	T
473	Bùi Thị Kiều Nga	9a10	24/10/2006	Nữ	8.8	G	T
474	Trần Huỳnh Bảo Ngọc	9a10	05/01/2006	Nữ	9.5	G	T
475	Nguyễn Bá Nguyên	9a10	03/09/2006	Nam	7.9	K	T
476	Nguyễn Nguyễn	9a10	13/06/2006	Nam	9.0	G	T
477	Trần Nguyễn Thảo Nhi	9a10	18/10/2006	Nữ	9.4	G	T
478	Nguyễn Bảo Như	9a10	07/03/2006	Nữ	9.1	G	T
479	Trần Tiến Phúc	9a10	16/01/2006	Nam	7.8	K	T
480	Võ Hồng Quốc	9a10	14/02/2006	Nam	9.5	G	T
481	Nguyễn Thị Ngọc Sang	9a10	21/01/2006	Nữ	8.3	G	T
482	Nguyễn Hữu Tuấn Tài	9a10	27/02/2006	Nam	7.3	K	T
483	Trương Ngọc Thảo	9a10	30/05/2006	Nữ	9.6	G	T
484	Lâm Quốc Thịnh	9a10	02/10/2006	Nam	8.3	G	T
485	Nguyễn Minh Thuận	9a10	03/04/2006	Nam	9.1	G	T
486	Nguyễn Cát Tiên	9a10	11/12/2006	Nữ	8.1	G	T
487	Hoàng Minh Tiến	9a10	05/07/2006	Nam	8.4	G	T
488	Đỗ Ngọc Trâm	9a10	01/09/2006	Nữ	9.1	G	T
489	Đặng Thị Ngọc Tuyên	9a10	20/06/2006	Nữ	8.2	G	T
490	Lê Vy	9a10	01/03/2006	Nữ	9.1	G	T
491	Đặng Đình Bảo Anh	9a11	17/09/2006	Nam	7.4	K	T
492	Nguyễn Gia Bảo	9a11	05/10/2006	Nam	9.1	G	T
493	Trần Ngọc Chung	9a11	22/11/2006	Nam	8.3	G	T
494	Nguyễn Trí Cường	9a11	25/10/2006	Nam	8.3	K	T
495	Lưu Thê Dũng	9a11	16/01/2006	Nam	8.4	G	T

STT	Họ tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	TBMHK	Học lực	Hành kiểm
496	Nguyễn Ngọc Anh Duy	9a11	02/01/2006	Nam	7.8	K	T
497	Hoàng Thị Mỹ Duyên	9a11	16/08/2006	Nữ	9.5	G	T
498	Trịnh Thanh Dương	9a11	08/08/2006	Nam	9.3	G	T
499	Trần Tiên Đạt	9a11	16/12/2006	Nam	8.9	G	T
500	Lê Ngọc Hân	9a11	29/06/2006	Nữ	9.1	G	T
501	Vương Ngọc Hân	9a11	15/07/2006	Nữ	8.8	G	T
502	Lê Thị Ngọc Huyền	9a11	27/08/2006	Nữ	9.4	G	T
503	Nguyễn Huỳnh Như Huỳnh	9a11	12/05/2006	Nữ	9.3	G	T
504	Hoàng Thiên Hương	9a11	08/09/2006	Nữ	9.4	G	T
505	Nguyễn Hoàng Lê Kha	9a11	22/02/2006	Nam	9.4	G	T
506	Lê Mỹ Khang	9a11	12/02/2006	Nữ	9.6	G	T
507	Nguyễn Gia Khánh	9a11	29/05/2006	Nam	8.4	G	T
508	Nguyễn Đăng Khoa	9a11	24/07/2006	Nam	9.3	G	T
509	Phạm Tân Khương	9a11	03/02/2006	Nam	9.1	G	T
510	Nguyễn Anh Kiệt	9a11	10/07/2006	Nam	9.4	G	T
511	Đỗ Giao Minh	9a11	13/12/2006	Nữ	9.6	G	T
512	Trần Đức Minh	9a11	17/12/2006	Nam	9.3	G	T
513	Nguyễn Ngô Diễm My	9a11	07/06/2006	Nữ	8.5	G	T
514	Nguyễn Nhật Nam	9a11	19/03/2006	Nam	7.4	K	T
515	Dương Nguyễn Bảo Ngọc	9a11	17/07/2006	Nữ	8.5	K	T
516	Phạm Quang Bảo Ngọc	9a11	15/12/2006	Nữ	8.4	K	T
517	Phạm Thị Minh Ngọc	9a11	03/01/2006	Nữ	9.4	G	T
518	Nguyễn Tiên Nhật	9a11	09/04/2006	Nam	8.9	G	T
519	Trần Quang Nhứt	9a11	13/01/2006	Nam	8.5	G	T
520	Phạm Nguyễn Mai Phương	9a11	24/12/2006	Nữ	9.7	G	T
521	Trương Minh Quân	9a11	28/11/2006	Nam	8.6	G	T
522	Lê Anh Sang	9a11	09/09/2006	Nam	8.7	G	T
523	Nguyễn Đỗ Minh Tài	9a11	07/10/2006	Nam	8.1	K	T
524	Đinh Thiện Tâm	9a11	15/09/2006	Nữ	8.9	G	T
525	Nguyễn Ngô Văn Thơm	9a11	19/01/2006	Nam	7.3	TB	T
526	Mai Anh Thư	9a11	23/06/2006	Nữ	9.2	G	T
527	Ngô Anh Thư	9a11	06/01/2006	Nữ	8.6	G	T
528	Võ Anh Thư	9a11	03/07/2006	Nữ	8.8	G	T
529	Nguyễn Phạm Uyên Thy	9a11	14/01/2006	Nữ	8.9	G	T
530	Trần Ngọc Yên Trang	9a11	31/03/2006	Nữ	9.3	G	T
531	Phạm Ngọc Trâm	9a11	08/02/2006	Nữ	9.6	G	T
532	Trần Nguyễn Bảo Trâm	9a11	22/08/2006	Nữ	9.0	G	T
533	Trương Ngọc Phương Trinh	9a11	19/07/2006	Nữ	8.7	G	T
534	Lê Hồng Thanh Tú	9a11	28/08/2006	Nữ	9.4	G	T
535	Nguyễn Anh Tú	9a11	06/01/2006	Nam	9.6	G	T
536	Tạ Minh Tú	9a11	30/12/2006	Nam	8.1	K	T
537	Lê Anh Tuấn	9a11	29/04/2006	Nam	9.5	G	T

STT	Họ tên	Lớp	Ngày sinh	Giới tính	TBMHK	Học lực	Hạng kiểm
538	Trần Quốc Tuấn	9a11	16/08/2006	Nam	8.8	G	T
539	Huỳnh Thị Kim Tuyền	9a11	02/03/2006	Nữ	9.8	G	T
540	Trần Tông Quốc Vinh	9a11	06/12/2006	Nam	7.1	TB	T
541	Vũ Vinh	9a11	27/11/2006	Nam	8.1	G	T
542	Nguyễn Ngọc Tường Vy	9a11	17/11/2006	Nữ	7.4	K	T

Tổng cộng danh sách gồm có 542 học sinh./ 